TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CAI LẬY**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2018 /HNGĐ-ST
Ngày: 01/6/2018
V/v tranh chấp " ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY - TIỀN GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông **Bùi Thanh Giảng.**
Hội thẩm nhân dân :
1/ Bà **Phạm Thị Phượng**
2/ Ông **Cao Châu Tiếp**
Thư ký phiên toà: Bà **Lê Thị Kim Thoa** – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Cai Lậy.

Ngày 01/6/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 60/2018/TLST- HNGĐ ngày 06/3/ 2018 về việc " ly hôn " theo quyết định xét xử số 27/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17/4/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2018/QĐ-ST ngày 15/5/2018 giữa các đương sự **:**

Nguyên đơn : Chị Lê Trần Tố Q, sinh 1996. (có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.
Bị đơn : Anh Nguyễn Văn K, sinh 1992 (vắng mặt)
Địa chỉ: Khu phố D, phường E, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tư khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Lê Trần Tố Q trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn K tự kết hôn năm 2016, đăng ký kết hôn ngày 30/6/2016 tại Ủy ban nhân dân phường 3, thị xã Cai Lậy, Tiền Giang. Hai người chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn, sau đó thì hai người phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng với nhau về quan điểm sống, thường xuyên xung đột, cãi vã. Chị đã cùng anh K hàn gắn nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh K.

Về con chung: Không có.
Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết
Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn : Anh Nguyễn Văn K, từ sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có triệu tập hợp lệ để làm bản tự khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ,

tham gia hòa giải nhưng anh vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án không thu thập được chứng cứ, không tiến hành hòa giải được. và phiên tòa xét xử đến lần 2 anh K vẫn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ vào bản sao Giấy chứng nhận kết hôn số 15/2016 ngày 30/6/2016 và đơn yêu cầu của chị Lê Trần Tố Q thì chị Q và anh Nguyễn Văn K tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2016, đăng ký kết hôn ngày 30/6/2016 tại Ủy ban nhân dân phường 3, thị xã Cai Lậy, Tiền Giang nên quan hệ giữa anh K và chị Q được pháp luật công nhận là vợ chồng, chị Q khởi kiện anh K về việc ly hôn thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với anh K nhưng anh vắng mặt không rõ lý do, chị Q có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Toà án xét xử vắng mặt chị Q, anh K theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy đã là vợ chồng thì phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Chị Q và anh K từ khi chung sống với nhau chỉ hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau, bất đồng với nhau về quan điểm sống, hai người thường xuyên xung đột, cãi vã. Chị đã cùng anh K hàn gắn nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trong hơn, chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh K. Đối với anh K, sau khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã triệu tập hợp lệ để làm bản khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, tham gia hòa giải, xét xử nhưng anh vẫn vắng mặt không rõ lý do, anh không đến chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng là có thật, anh không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và không tôn trọng pháp luật. Từ những phân tích trên, có căn cứ để Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Q và anh K là đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Q là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Không có nên không xem xét.

Về tài sản chung: Không xem xét.

Về nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn là chị Lê Trần Tố Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự ; các Điều 51, 53, 54, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử: - Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Trần Tố Q.

Chị Lê Trần Tố Q được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Không xem xét.
- Về nợ chung: Không xem xét.
- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Trần Tố Q phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng). Chị Q đã nộp 300.000 đồng(Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0001390 ngày 05/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy nên xem như đã nộp xong.

Về quyền kháng cáo: Chị Q, anh K được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ .

Nơi nhận :
- TAND tỉnh TG;
- VKSND TX CL;
- Chi cục THADS TX CL;
- UBND phường 3, TX.Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu .

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thanh Giảng